TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 166/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về " *tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1974 có mặt"

Địa chỉ: Khóm TK, thị trấn TO (xã Thiện Mỹ cũ), huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn P**, sinh năm 1968 " có mặt".

Địa chỉ: Khóm TK, thị trấn TO (xã Thiện Mỹ cũ), huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn Huỳnh Văn P thành hôn năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống được 33 năm lúc đầu hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 07 năm nay. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 25/8/1991 và Huỳnh Kim N, sinh ngày 10/10/1993 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 03 tháng 10 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Văn P trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung, nợ chung và con chung như chị H trình bày. Nay theo yêu cầu ly hôn của chị H anh đồng ý, về con chung có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 25/8/1991 và Huỳnh Kim N, sinh ngày 10/10/1993 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án án giải quyết, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quyền yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trường hợp này là vụ án tranh chấp ly hôn và con chung do bị đơn anh Huỳnh Văn P có địa chỉ tại Khóm TK, thị trấn TO (xã Thiện Mỹ cũ), huyện TO, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Huỳnh Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị H và anh P là phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thiện Mỹ, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long ngày 30/9/2024 và xác nhận của Ủy ban

nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long ngày 02/10/2024 là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, nên đã không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]. Chị H và anh P có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 25/8/1991 và Huỳnh Kim N, sinh ngày 10/10/1993 hiện đã trưởng thành và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án, buộc chị H nộp 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 9 và 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H và bị đơn Huỳnh Văn P là vợ chồng.

2.Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Huỳnh Văn P có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 25/8/1991 và Huỳnh Kim N, sinh ngày 10/10/1993 hiện đã trưởng thành và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Huỳnh Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình. Trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn*

đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011546 ngày 04/10/2024, chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xư phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TO;
- THADS huyện TO;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Hoàng Phú